

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 643 /QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 30 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành,
được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 08/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1109/TTr-SGTVT ngày 26/5/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Ninh Thuận.

- Phụ lục I: Danh mục thủ tục hành chính.

- Phụ lục II: Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trên cơ sở Quy trình nội bộ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này,

xây dựng quy trình điện tử theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Điều 8 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế một phần Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Quy trình nội bộ giải quyết Thủ tục hành chính Nhóm 5 (01 thủ tục), Nhóm 7 (02 thủ tục), Nhóm 8 (02 thủ tục), Nhóm 9 (03 thủ tục) – Lĩnh vực Đường bộ;

2. Quy trình nội bộ giải quyết Thủ tục hành chính Nhóm 29 (01 thủ tục), Nhóm 30 (01 thủ tục) – Lĩnh vực Đường bộ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP); (b/c)
- CT, PCT Phan Tấn Cảnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- TT. CNTT và TT (Sở TTTT)
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu VT, TTPVHCC. CT



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Tấn Cảnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHẦN I

**ANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ
THAM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

*(Kèm theo Quyết định số 643 /QĐ-UBND ngày 30 /5/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý
01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.	Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 08/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
02	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	- Như trên -
03	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	- Như trên -
04	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia.	- Như trên -
05	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	- Như trên -
06	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.	- Như trên -
07	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. <i>(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	- Như trên -
08	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia. <i>(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	- Như trên -
09	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. <i>(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	- Như trên -
10	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia. <i>(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và</i>	- Như trên -

	<i>Campuchia cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương).</i>	
11	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	- Như trên -
12	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.	- Như trên -
13	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.	- Như trên -
14	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. (<i>Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương).</i>	- Như trên -
15	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào. (<i>Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương).</i>	- Như trên -
16	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.	- Như trên -
17	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.	- Như trên -
18	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.	- Như trên -
19	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác được giao quản lý (<i>trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).</i>	- Như trên -
20	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc được giao quản lý (<i>trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).</i>	- Như trên -



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHẦN II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Kèm theo Quyết định số 643 /QĐ-UBND ngày 30 /5/2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

I. Nhóm Quy trình nội bộ 02 ngày làm việc: 18 TTHC

1. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.

2. Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

3. Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

4. Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia.

5. Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

6. Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

7. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia *(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)*.

8. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia *(Cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)*.

9. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia *(Cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)*.

10. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia *(Cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải hành khách tuyến cố định, phương tiện phi thương mại của các tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương)*.

11. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.

12. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia.

13. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.

14. Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào *(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương)*.

15. Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào *(Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào cho phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải trên địa bàn địa phương)*.

16. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào.

17. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.

18. Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS.

Quy trình nội bộ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; - Thông qua dịch vụ Bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (dichvucong.ninhthuan.gov.vn)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
B2	- Xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Trường hợp đầy đủ: quét (scan) và tạo lập hồ sơ điện tử vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC; lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Mẫu số 01); - Trường hợp chưa đầy đủ: hướng dẫn bổ sung một lần đầy đủ, chính xác và nêu rõ lý do (Mẫu số 02); - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: nêu rõ lý do (Mẫu số 03).	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	0,25 ngày
B3	- Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm chuyển giao hồ sơ TTHC cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển đến Văn thư Sở; - Văn thư Sở chuyển hồ sơ TTHC cho chuyên viên phòng chuyên môn được phân công giải quyết hồ sơ TTHC.	- Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Nhân viên Bưu điện tỉnh. - Văn thư Sở GTVT.	0,25 ngày
B4	- Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra trình Lãnh đạo Sở.	- Chuyên viên phòng chuyên môn; - Lãnh đạo Phòng.	0,5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	- Văn thư Sở hoàn tất hồ sơ TTHC theo quy định chuyển cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển cho Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm quét (scan) kết quả giải quyết TTHC, cập nhật vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC, lưu trữ hồ sơ điện tử và kết thúc quy trình giải quyết hồ sơ TTHC; chuyển kết quả giải quyết TTHC cùng số phí, lệ phí phải thu cho nhân viên Bưu điện tỉnh.	- Văn thư Sở; - Nhân viên Bưu điện tỉnh; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm.	0,25 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC.	Bưu điện tỉnh.	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 02 ngày làm việc			

II. Nhóm Quy trình nội bộ khác: 02 TTHC

1. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác được giao quản lý (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).

Quy trình nội bộ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm; - Thông qua dịch vụ Bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (dichvucong.ninhthuan.gov.vn)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
B2	- Xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Trường hợp đầy đủ: quét (scan) và tạo lập hồ sơ điện tử vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC; lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Mẫu số 01); - Trường hợp chưa đầy đủ: hướng dẫn bổ sung một lần đầy đủ, chính xác và nêu rõ lý do (Mẫu số 02); - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: nêu rõ lý do (Mẫu số 03).	Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm	0,25 ngày
B3	- Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm chuyển giao hồ sơ TTHC cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển đến Văn thư Sở; - Văn thư Sở chuyển hồ sơ TTHC cho chuyên viên phòng chuyên môn được phân công giải quyết hồ sơ TTHC.	- Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Nhân viên Bưu điện tỉnh. - Văn thư Sở GTVT.	0,5 ngày
B4	Trường hợp: Không kiểm tra hiện trường - Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra trình Lãnh đạo Sở.	- Chuyên viên phòng chuyên môn; - Lãnh đạo Phòng.	2 ngày
	Trường hợp: Kiểm tra hiện trường - Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ, kiểm tra hiện trường, trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra trình Lãnh đạo Sở.		8 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày

B6	- Văn thư Sở hoàn tất hồ sơ TTHC theo quy định chuyển cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển cho Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm quét (scan) kết quả giải quyết TTHC, cập nhật vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC, lưu trữ hồ sơ điện tử và kết thúc quy trình giải quyết hồ sơ TTHC; chuyển kết quả giải quyết TTHC cùng số phí, lệ phí phải thu cho nhân viên Bưu điện tỉnh.	- Văn thư Sở; - Nhân viên Bưu điện tỉnh; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm.	0,5 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.	Nhân viên Bưu điện tỉnh.	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện TTHC Trường hợp Không kiểm tra hiện trường: 04 ngày làm việc			
Tổng thời gian thực hiện TTHC Trường hợp Có kiểm tra hiện trường: 10 ngày làm việc			

2. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc được giao quản lý (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục ĐBVN).

Quy trình nội bộ:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian
B1	Nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết TTHC: - Trực tiếp tại Trung tâm; - Thông qua dịch vụ Bưu chính; - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến của tỉnh (dichvucong.ninhthuan.gov.vn)	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính
B2	- Xem xét, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ; - Trường hợp đầy đủ: quét (scan) và tạo lập hồ sơ điện tử vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC; lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả (Mẫu số 01); - Trường hợp chưa đầy đủ: hướng dẫn bổ sung một lần đầy đủ, chính xác và nêu rõ lý do (Mẫu số 02); - Trường hợp từ chối nhận hồ sơ: nêu rõ lý do (Mẫu số 03).	Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm	0,25 ngày

B3	- Công chức,viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm chuyển giao hồ sơ TTHC cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển đến Văn thư Sở; - Văn thư Sở chuyển hồ sơ TTHC cho chuyên viên phòng chuyên môn được phân công giải quyết hồ sơ TTHC.	- Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Nhân viên Bưu điện tỉnh. - Văn thư Sở GTVT.	0,5 ngày
B4	- Chuyên viên xem xét, thẩm định hồ sơ, trình phê duyệt kết quả giải quyết TTHC; - Lãnh đạo Phòng kiểm tra trình Lãnh đạo Sở.	- Chuyên viên phòng chuyên môn; - Lãnh đạo Phòng.	2,5 ngày
B5	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày
B6	- Văn thư Sở hoàn tất hồ sơ TTHC theo quy định chuyển cho nhân viên Bưu điện tỉnh để chuyển cho Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm quét (scan) kết quả giải quyết TTHC, cập nhật vào quy trình của hệ thống phần mềm giải quyết TTHC, lưu trữ hồ sơ điện tử và kết thúc quy trình giải quyết hồ sơ TTHC; chuyển kết quả giải quyết TTHC cùng số phí, lệ phí phải thu cho nhân viên Bưu điện tỉnh.	- Văn thư Sở; - Nhân viên Bưu điện tỉnh; - Công chức, viên chức tại quầy tiếp nhận hồ sơ của Trung tâm.	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.	Nhân viên Bưu điện tỉnh.	0,25 ngày
Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 05 ngày làm việc			